CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 675/TTr-CP	*Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2024*

TỜ TRÌNH
Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (dự án Luật) tại Tờ trình số 513/TTr-CP ngày 24/9/2024.

Trên cơ sở Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 4385/TB-TTKQH ngày 14/10/2024 của Tổng thư ký Quốc hội, Chính phủ đã hoàn thiện và xin báo cáo Quốc hội về dự án Luật như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*".

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: "*Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế...*".

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025, trong đó xác định: "*những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật, những vấn đề tuy cấp bách, cần thiết,*

nhưng là vấn đề mới, chưa đạt đồng thuận cao thì có thể quy định thực hiện thí điểm.".

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã xác định mục tiêu hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế...

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 đã xác định Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu có phương án giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA, dự án BOT, BT hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về kỳ họp thứ 5 và thứ 6 Quốc hội khóa XV đã quyết nghị về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, quy hoạch, đầu tư công, hợp tác công tư, đầu tư...; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật, pháp lệnh có liên quan.

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch đã giao Chính phủ tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp, phân loại và xây dựng kế hoạch, lộ trình để có phương án xử lý khó khăn, vướng mắc đã tồn tại nhiều năm, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA không hiệu quả, chậm tiến độ; dự án BT chuyển tiếp.

- Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã quyết nghị về việc "*Các bộ, cơ quan khẩn trương xử lý theo thẩm quyền các*

vướng mắc, bất cập trong các quy định pháp luật đã được chỉ ra tại các Báo cáo của Chính phủ về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thực hiện nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội Khóa XV, đồng thời tiếp tục tổng hợp, rà soát các vướng mắc, bất cập phát sinh (nếu có); đề xuất Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV xem xét, ban hành văn bản phù hợp, hiệu quả để xử lý ngay các bất cập, vướng mắc pháp lý phát sinh trong thực tiễn, cản trở sự phát triển".

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Liên quan đến Luật Quy hoạch

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

2.1.1. Về mối quan hệ giữa các loại quy hoạch

Theo quy định tại khoản 9 Điều 3, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được quy định tại Phụ lục II. Tuy nhiên, Luật Quy hoạch chưa quy định mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia, dẫn đến các cách hiểu khác nhau về vai trò, vị trí của loại quy hoạch này, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên kết của hệ thống quy hoạch và gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện các quy hoạch[1].

Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định tại Điều 5 nhưng lại có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do phải phù hợp và cụ thể hóa quy hoạch tỉnh (theo quy định khoản 9 Điều 3 và khoản 4 Điều 6) và được lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (theo quy định tại Điều 28). Quy định này dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng pháp luật để xác định vai trò, vị trí của quy hoạch đô thị và nông thôn và kinh phí cho hoạt động quy hoạch này. Nội dung này cũng đang được đề xuất sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024), theo đó xác định rõ quy hoạch đô thị và nông thôn là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và chuyển quy hoạch đô thị và nông thôn sang quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch, xác định rõ mối quan hệ giữa các quy hoạch và làm rõ căn cứ để lập quy

---

[1] Ví dụ: Quy hoạch hệ thống cảng cạn là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được lập ở cấp quốc gia. Tuy nhiên, do không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia, không có quy định về mối quan hệ với các quy hoạch khác nên không thể xác định được quy hoạch tỉnh có phải tuân thủ không.

hoạch, thực hiện quy hoạch.

2.1.2. Về nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch, nội dung quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch

- Về nhiệm vụ lập quy hoạch:

Theo Điều 15, Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định và thành lập Hội đồng "thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh"; nhưng theo khoản 2 Điều 29 thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng "thẩm định quy hoạch tỉnh". Như vậy, có sự không đồng bộ giữa thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định "nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh" và thẩm định "quy hoạch tỉnh". Do đó, cần sửa đổi quy định này theo hướng phân quyền thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

Đồng thời, Luật Quy hoạch cũng chưa có quy định về việc điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch dẫn đến không có cơ sở điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch để đảm bảo linh hoạt trong quá trình tổ chức lập quy hoạch như việc phân công nhiệm vụ và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan, thời hạn lập quy hoạch.

- Về quy trình lập quy hoạch:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 16, cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tư vấn "lập quy hoạch"; đồng thời, tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 16, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tổ chức lựa chọn tư vấn để "xây dựng các nội dung quy hoạch" đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này.

Việc triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 theo quy định nêu trên gặp vướng mắc trong phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với cơ quan được giao xây dựng các nội dung quy hoạch, khó bảo đảm tiến độ lập quy hoạch và dễ dẫn đến trùng lặp trong việc lập và thẩm định "các nội dung quy hoạch" và "quy hoạch".

Mặt khác, theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Đầu tư công và khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư công chỉ giao cho cơ quan lập quy hoạch, không giao vốn cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân công xây dựng các nội dung quy hoạch, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai lập các nội dung quy hoạch.

Vì vậy, việc hoàn thiện quy định về quy trình lập quy hoạch là cần thiết để nâng cao hiệu quả trong việc phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan trong việc lập và thẩm định quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước về quản lý chi phí.

Để triển khai hiệu quả quy trình lập quy hoạch, bao gồm việc tích hợp quy hoạch đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thì cần hướng dẫn chi tiết nhiệm vụ này trên cơ sở kế thừa quy định tại điểm a khoản 1

Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15. Do vậy, cần bổ sung tại Điều 16 để giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- Về nội dung quy hoạch:

Một số thuật ngữ thuộc lĩnh vực thủy lợi và điện lực trong nội dung quy hoạch tỉnh chưa có sự thống nhất với Luật Thủy lợi, dự thảo Luật Điện lực đã trình Quốc hội[2]. Ngoài ra, nội dung liên quan đến quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được lập để cụ thể hóa quy hoạch tỉnh đang được sửa đổi tại dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội. Do đó, việc sửa đổi các quy định có liên quan là cần thiết để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật về quy hoạch, tránh trùng lặp về nội dung giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

Theo quy định tại các Điều 22, 23, 25, 26 và 27, nội dung quy hoạch bao gồm Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên trong kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, quy định này chưa bảo đảm tính định hướng của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và trùng lặp với Danh mục dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và các dự án đã được chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư... Trên thực tế, dự án có thể thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực, có quy mô, phạm vi, tính chất khác nhau và không thể xác định được hết số lượng các dự án sẽ triển khai trong cả thời kỳ quy hoạch. Mặt khác, do biến động của tình hình kinh tế - xã hội, khả năng thu hút đầu tư..., thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án có thể thay đổi hoặc có thể phát sinh thêm. Nếu xác định luôn các dự án trong quy hoạch và thứ tự ưu tiên thực hiện thì sẽ phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần mới có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Do đó, việc sửa đổi quy định này là cần thiết để phản ánh đúng tính định hướng của các Danh mục dự án kèm theo, bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức, thực hiện quy hoạch.

- Về kế hoạch thực hiện quy hoạch:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45, nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm kế hoạch sử dụng đất có sự trùng lặp với kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thủ tục theo quy định nêu trên chưa tạo được cơ chế linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch. Mặt khác, một số nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh (như dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác...) đã được phân quyền cho các địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.

Do đó, việc sửa đổi quy định tại các Điều 45, 47, 55 và 56 để điều chỉnh nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch và phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

---

[2] Luật Điện lực hiện nay không có cụm từ "mạng lưới cấp điện"; "công trình cấp điện"; chưa thống nhất với các khái niệm với quy định của pháp luật về thủy lợi; pháp luật về quy hoạch đô thị; bao gồm cả công trình thủy lợi; hệ thống thoát nước, cấp nước.

phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh là cần thiết để tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.

- Về trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch:

Theo quy định tại Điều 54, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ thủ tục như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mới, bao gồm *lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch; lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch...* (thời gian hoàn thành khoảng 2 đến 3 năm). Đặc biệt, đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch không gian biển quốc gia, trước khi thực hiện điều chỉnh quy hoạch, Chính phủ phải trình Quốc hội tại Kỳ họp của Quốc hội để xem xét, quyết định chủ trương điều chỉnh các quy hoạch này theo quy định tại khoản 1 Điều 54, với trình tự, thủ tục cần nhiều thời gian, khó có thể đáp ứng được các yêu cầu cấp bách.

Trên thực tế đã phát sinh nhiều tình huống cần điều chỉnh ngay quy hoạch như: thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã hay việc triển khai thực hiện các dự án quan trọng quốc gia (các dự án đường cao tốc cần vật liệu để đắp nền trong khi các quy hoạch tỉnh không đáp ứng về số lượng, tiến độ,...) hoặc khi quy hoạch được lập đồng thời hay trong quá trình thực hiện quy hoạch phát hiện quy hoạch mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn hoặc quy hoạch cùng cấp dẫn đến cần phải điều chỉnh ngay để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Do đó, việc bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết để bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.3. Về kinh phí cho hoạt động quy hoạch

Điều 9 Luật Quy hoạch quy định về việc "sử dụng từ vốn đầu tư công" để lập quy hoạch, không quy định về việc sử dụng chi phí thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để lập quy hoạch và không có quy định về chi phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong một số lĩnh vực quy định về việc sử dụng nguồn chi thường xuyên để lập quy hoạch hoặc một số quy định của pháp luật chuyên ngành lại quy định chi phí lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thực hiện theo Luật Quy hoạch đã dẫn đến cách hiểu và thực hiện chưa thống nhất về nguồn chi phí đối với hoạt động quy hoạch.

Đồng thời, việc lập, thẩm định, điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch; thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh hiện nay được sử dụng nguồn vốn đầu tư công và phải thực hiện theo các trình tự, thủ tục của Luật Đầu tư công (bao gồm lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm...). Trong khi đó, các nhiệm vụ này là hoạt động thường xuyên, có tính cấp bách và không sử dụng nhiều kinh phí. Do vậy, việc sử dụng nguồn chi thường xuyên là phù hợp với tính chất của các nhiệm vụ này.

Mặt khác, Luật Đầu tư công không có quy định về việc chia nhiệm vụ quy hoạch thành các nhiệm vụ chi khác nhau và khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước cũng quy định nguyên tắc "Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm". Do đó, nguồn kinh phí cho nhiệm vụ quy hoạch tỉnh được cấp cho địa phương không thể chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh ở cấp Trung ương (như thuê tư vấn phản biện, tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Quy hoạch). Việc chi này cũng không phù hợp với nguyên tắc cơ bản của hoạt động quy hoạch được quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật Quy hoạch là "Bảo đảm tính độc lập giữa cơ quan lập quy hoạch với Hội đồng thẩm định quy hoạch". Vướng mắc nói trên về kinh phí cho hoạt động quy hoạch đã dẫn đến việc chậm tiến độ lập và thẩm định quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Nghị quyết số 61/2022/QH15 đã cho phép sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn, nhưng chưa quy định cụ thể việc lập, thẩm định quy hoạch sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có được sử dụng kinh phí chi thường xuyên hay không, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và vẫn chưa khắc phục được triệt để các vướng mắc về kinh phí cho hoạt động quy hoạch.

Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định về chi phí cho hoạt động quy hoạch tại Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng bổ sung quy định cụ thể việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch, trong đó quy định cụ thể chi phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để tạo sự đồng bộ, thống nhất trong việc sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch, từ đó đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

2.1.4. Về chế độ báo cáo

Việc "rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm" tại Điều 52 và việc "đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ" tại Điều 49 có sự trùng lặp về nội dung, cơ quan và thời kỳ thực hiện. Do đó, cần sửa đổi để đơn giản hoá chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian và nguồn lực thực hiện.

2.2. Liên quan đến Luật Đầu tư

2.2.1. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại điểm h khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư

Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đã được quy định và thực hiện xuyên suốt từ năm 2005 đến nay tại Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2020.

Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam cho thấy, mặt được của việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định nêu trên là đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước[3], thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả[4] trong bối cảnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp chưa được xây dựng đồng bộ, quản lý chặt chẽ và năng lực quản lý của các địa phương còn hạn chế; phát triển đồng bộ, thống nhất hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng phát triển kinh tế của các vùng[5]; nâng cao hiệu quả sử dụng đất; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng và chuyển nhượng dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; tránh phát triển tràn lan khu công nghiệp ở các địa phương, gây thất thoát, lãng phí...

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc thực hiện quy định chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu xem xét phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nội dung này bởi những lý do sau:

Một là, theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, nội dung thẩm định dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có trong Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khu công nghiệp nằm trong ranh giới khu kinh tế; nhu cầu sử dụng đất; sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện về tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp...

Hầu hết những nội dung thẩm định này đều thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy

---

[3] Hoạt động đầu tư tại KCN tạo tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, tạo việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp tại KCN, KKT trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt khoảng 6% (năm 1995) lên 19% (năm 2005), 50% (năm 2015) và 57% (năm 2018). Trong giai đoạn 2016-2020, giá trị xuất khẩu trung bình hằng năm của dự án trong KCN, KKT chiếm trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; KCN, KKT góp phần giải quyết việc làm cho gần 4 triệu lao động trực tiếp (chiếm 7,3% lực lượng lao động của cả nước), chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn KCN, KKT trong tổng thu NSNN tăng: giai đoạn 1996 - 2000, 4.508 tỷ đồng, chiếm 1,22% tổng thu NSNN; giai đoạn 2011 - 2015, 361.978 tỷ đồng, chiếm 12,7 % tổng thu trong nước (không bao gồm dầu thô). Số doanh nghiệp trong KCN, KKT trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất cả nước chiếm khoảng 20% hàng năm.

[4] Tính lũy kế đến tháng 6/2021, các KCN, KKT trên cả nước đã thu hút được khoảng 10.148 dự án đầu tư trong nước và 10.921 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký tương ứng khoảng 2,51 triệu tỷ đồng và 229,8 tỷ USD. Trung bình hàng năm, vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 35 - 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tăng thêm của cả nước; nếu tính riêng trong lĩnh vực chế biến, chế tạo thì vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 75 - 85% tổng vốn đăng ký cả nước.

[5] Đến tháng 6/2021, hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế đã được hình thành trên các vùng kinh tế của cả nước, 395 khu công nghiệp đã được thành lập, trong đó 285 KCN đã đi vào hoạt động và tỷ lệ lấp đầy đạt 58,9%.

hoạch, đất đai, lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Trên thực tế, khi ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các khu công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ vẫn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các điều kiện về môi trường, quy hoạch...và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc giám sát, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn.

Hai là, Luật Quy hoạch đã quy định việc tích hợp định hướng xây dựng khu công nghiệp vào quy hoạch vùng và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp vào quy hoạch tỉnh. Theo quy định tại Điều 34 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Như vậy, định hướng xây dựng và phương án phát triển khu công nghiệp là căn cứ để xem xét việc thành lập khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Quy định này tạo cơ chế để bảo đảm định hướng thực thi chính sách phát triển các khu công nghiệp của cơ quan Trung ương.

Ba là, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế đã được xây dựng và hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể, minh bạch các tiêu chí, điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghiệp (*bao gồm tiêu chí về quy hoạch; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*).

Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2024 đã phân cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng và chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; sửa đổi quy định về thu hồi đất đối với trường hợp thực hiện dự án khu công nghiệp theo hướng không yêu cầu dự án phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Do vậy, việc phân quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là phù hợp với thực tiễn, đảm bảo sự đồng bộ về thẩm quyền trong triển khai thực hiện.

Việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghiệp sẽ được kiểm soát trên cơ sở phương hướng xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các yêu cầu, điều kiện về thành lập, mở rộng khu công nghiệp (*bao gồm tiêu chí về tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*) theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: "*Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I*". Theo đó, mọi dự án

đầu tư xây dựng mới: **bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt**, không phân biệt quy mô vốn đầu tư đều phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Bộ luật hàng hải Việt Nam, *"Cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng và có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cảng cửa ngõ quốc tế"*.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện cả nước có 02 cảng biển đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, cảng biển Hải Phòng hiện có khoảng 46 bến cảng, 82 cầu cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69 - 73 bến cảng. Cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu có khoảng 55 bến cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69 - 70 bến cảng. Trong đó, một số bến cảng có chức năng là cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế là khu bến Lạch Huyện, khu bến Nam Đồ Sơn, Văn Úc, khu bến Cái Mép[6]. Các bến cảng này là khâu quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao vị thế đối ngoại, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và có tính chất, ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế biển, do đó việc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư các bến cảng này là phù hợp.

Tuy nhiên, trong 02 cảng biển đặc biệt nêu trên cũng có nhiều bến cảng quy mô nhỏ, không có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế (*như khu bến Sông Cấm - Phà Rừng, khu bến Đình Vũ thuộc cảng biển Hải Phòng, khu bến Thị Vải, khu bến Sao Mai - Bến Đình, khu bến Sông Dinh, khu bến Long Sơn thuộc cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu...*).

Hiện nay, việc đầu tư, xây dựng cảng biển có thể được kiểm soát trên cơ sở phương án phát triển các cảng biển tại quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển và các yêu cầu, điều kiện về đầu tư xây dựng cảng biển (*bao gồm tiêu chí về quy hoạch; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*) theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

Mặt khác, điểm d khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư đã phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển loại I có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng.

---

[6] Nhu cầu vốn đầu tư các bến này giai đoạn đến 2030 dự kiến như sau: khu bến Lạch Huyện 15.000 tỷ, khu bến Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động) 15.000 tỷ, Khu bến cảng và Logistics Cái Mép Hạ 23.000 tỷ. Các bến cảng này là những cảng lớn kết nối các tuyến vận tải liên châu lục, và thường cũng là cửa ngõ ra vào các khu vực kinh tế lớn thông qua việc kết nối các tuyến vận tải đường dài bằng tàu mẹ (mother ships) cùng với các tuyến ngắn hơn bằng tàu con (feeder ship).

Do vậy, tương tự các dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất nêu trên, việc xem xét phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng là phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các địa phương, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ của di tích

Trong quá trình rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các địa phương[7] đã báo cáo một số khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi khu vực bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, đối với các dự án xây dựng công trình, cơ sở lưu trú có quy mô nhỏ thuộc khu vực bảo vệ II của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới (như đô thị cổ Hội An, di tích Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà...) phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, làm tăng thủ tục hành chính đối với nhà đầu tư. Trên cơ sở đó, các địa phương đề nghị phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi **khu vực bảo vệ II** của di tích[8].

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, việc phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ I, II của di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt có thể được xem xét theo những căn cứ sau:

Thứ nhất, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Hiện nay, dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) đã mở rộng đối tượng công trình được triển khai thực hiện trong khu vực bảo vệ di tích, cụ thể là: (i) đối với khu vực bảo vệ I của di tích: được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích; (ii) đối với khu vực bảo vệ II của di tích: được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích; công trình kinh tế - xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, việc xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở khu vực bảo vệ II đối với di tích cấp tỉnh

---

[7] Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Quảng Ninh, Thừa thiên Huế...

[8] Báo cáo số 332/BC-BTP ngày 13/8/2024 của Bộ Tư pháp về rà soát vướng mắc hệ thống VBQPPL.

phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 29 của dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) quy định về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư, xây dựng công trình chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích thuộc danh mục kiểm kê của tỉnh. Do đó, việc phát triển dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích vẫn có thể được kiểm soát trên cơ sở thực thi hiệu quả cơ chế đồng thuận bằng văn bản của các cơ quan nêu trên.

Thứ hai, tăng cường hiệu quả và tính kịp thời trong quá trình phê duyệt dự án; giảm thiểu thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian chờ đợi phê duyệt dự án; tạo chủ động, linh hoạt cho địa phương trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ trương đầu tư.

Theo số liệu thống kê của ngành văn hóa, Việt Nam hiện có hơn 41.000 di tích, danh lam thắng cảnh, trong đó cấp có thẩm quyền đã xếp hạng hơn 11.000 di tích cấp tỉnh; 3.630 di tích tích cấp quốc gia; 133 di tích quốc gia đặc biệt, trong đó có 8 di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới (*Quần thể di tích Cố đô Huế; Khu phố cổ Hội An; Khu đền tháp Mỹ Sơn; Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội; Thành Nhà Hồ; Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà; Vườn Phong Nha - Kẻ Bàng; Quần thể danh thắng Tràng An*).

Trong đó, nhiều di tích, danh lam thắng cảnh được xếp hạng quốc gia, quốc gia đặc biệt **có diện tích khu vực khoanh vùng bảo vệ I và khu vực khoanh vùng bảo vệ II rộng** (*như Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu di sản thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình; Di tích quốc gia đặc biệt Quần thể Hương Sơn, Khu di tích Đền Hùng; Di tích quốc gia Làng cổ Đường Lâm, Làng cổ Phước Tích, Làng cổ Đông Hoà Hiệp*)...

Như vậy, với số lượng các di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới như trên, hồ sơ dự án đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, làm chậm tiến độ thực hiện dự án, đưa nguồn lực vào phát triển kinh tế xã hội, đồng thời không tạo sự chủ động cho các địa phương...

Thứ ba, đảm bảo sự phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong bối cảnh hiện nay đã gần như hoàn thiện trên cả nước. Các dự án đầu tư được thẩm định sẽ phải phù hợp với quy hoạch, không xâm phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến di sản văn hóa, trong khi vẫn hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai, hầu hết những nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư (bao gồm điều kiện giao đất, cho thuê đất,

chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội...) đều thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, điểm g khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư đã quy định về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư, bao gồm *"đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa"*. Các nội dung này thuộc trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan quản lý văn hóa, thể thao và du lịch tại địa phương.

Thứ tư, đảm bảo sự phù hợp với đặc trưng, tính chất của di sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II có nội hàm, tính chất và yêu cầu bảo vệ, tôn tạo khác nhau; di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới là các di tích được xếp hạng, quản lý, công nhận với giá trị tiêu biểu khác nhau.

Do vậy, đang có sự thiếu hợp lý trong quy định của Luật Đầu tư về việc trình Thủ tướng Chính phủ đối với: (i) các dự án thuộc Danh mục di sản thế giới mà không phân biệt khu vực bảo vệ I, khu vực bảo vệ II; (ii) các dự án đầu tư tại khu vực bảo vệ I mà không phân biệt di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới.

2.2.2. Về việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị và nông thôn khi thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị... Tuy vậy, quy định này chưa xác định được cụ thể cấp độ quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết làm cơ sở để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị, **đồ án quy hoạch phân khu** đã được phê duyệt là cơ sở để **xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết.** Như vậy, các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị sẽ được xác định trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu.

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, đô thị loại V tương đương với thị trấn không phải lập quy hoạch phân khu (vì quy hoạch chung thị trấn được lập trên tỷ lệ 1/5000 tương đương với quy hoạch phân khu). Theo dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thì các đô thị loại III, IV, V không phải lập quy hoạch phân khu (quy hoạch phân khu sẽ được tích hợp vào quy hoạch chung). Do vậy, đối với trường hợp này, chỉ cần đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung.

Thực tiễn áp dụng quy định về thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư cho thấy, yêu cầu đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư là chưa thực sự phù hợp, bởi lẽ ở giai đoạn này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xem xét chấp thuận về mục tiêu, địa điểm,

quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án để thực hiện dự án đầu tư...

Ngoài ra, khoản 5 Điều 63 dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đang được trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 8 cũng dự kiến sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư theo hướng bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với toàn bộ các loại "quy hoạch đô thị và nông thôn".

Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất, thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án và đảm bảo phù hợp, thống nhất với dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn nội dung này theo hướng đối với quy hoạch đô thị và nông thôn, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập hoặc đang triển khai lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

2.2.3. Về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư

- Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều yếu tố bất ổn và thách thức, các quốc gia đang cạnh tranh gay gắt để ổn định, khuyến khích và thu hút đầu tư, tập trung mạnh vào lĩnh vực công nghệ cao, trong đó chú trọng các lĩnh vực đang là xu hướng của thế giới như chíp, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Ấn Độ, Trung Quốc, các quốc gia Châu Âu, nhiều nước trong khu vực ASEAN như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan đều ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư đa dạng và hấp dẫn, áp dụng song song chính sách ưu đãi dựa trên thu nhập (miễn, giảm thuế) và ưu đãi dựa trên chi phí với các gói hỗ trợ lên đến nhiều tỷ USD. Nhờ sự phản ứng nhanh trong việc đổi mới chính sách, các quốc gia này, đặc biệt là các nước gia trong khu vực Đông Nam Á đã thu hút được các dự án quy mô rất lớn trong lĩnh vực công nghệ cao .

Tại Việt Nam, mặc dù thu hút đầu tư nước ngoài vẫn tăng trưởng qua các năm gần đây nhưng số lượng dự án quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao còn khiêm tốn. Trong khi đó, việc áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu đã làm suy giảm mạnh sức hấp dẫn trong thu hút dự án quy mô lớn, có sức lan toả. Một số doanh nghiệp đã thông báo chính thức tạm chưa triển khai hoặc sẽ cân nhắc kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam. Một số tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư nhưng chưa lựa chọn Việt Nam hoặc chờ đợi để theo dõi phản ứng chính sách của Chính phủ.

- Thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổng kết việc thi hành pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (xin trình kèm theo dự thảo Báo cáo tổng kết). Kết quả cho thấy:

+ Việc khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam hiện nay dựa trên chính sách ưu đãi đầu tư (miễn, giảm thuế, nghĩa vụ tài chính cho nhà đầu tư) và chính sách hỗ

trợ đầu tư (nhà nước bỏ chi phí để bù đắp chi phí cho nhà đầu tư trong một số hoạt động như phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực... được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư). Các chính sách này được áp dụng trên cơ sở tiêu chí ngành, nghề và địa bàn khuyến khích đầu tư theo quy định tại Chương III Luật Đầu tư và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai. Các hỗ trợ đầu tư thực hiện theo từng quy định riêng của Chính phủ trên cơ sở định hướng, khả năng bố trí nguồn lực trong từng giai đoạn, thời kỳ.

+ Về cơ bản, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam có tính cạnh tranh trong khu vực. Nhờ đó, cùng với các lợi thế so sánh như: kinh tế chính trị ổn định; tăng trưởng kinh tế cao và ổn định; vị trí địa lý chiến lược; hội nhập quốc tế sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực; Chính phủ "hành động, thân thiện, đồng hành, chia sẻ" với cộng đồng doanh nghiệp; chi phí sản xuất cạnh tranh; nguồn lao động dồi dào, thị trường tiềm năng..., Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu lớn trong việc thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN), với việc dòng vốn ĐTNN liên tục tăng qua các năm.

Tuy nhiên, chính sách này còn dàn trải, thiếu đa dạng, chưa bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế và đặc biệt là không còn tác dụng trong thu hút dự án lớn, tập đoàn đa quốc gia trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.

Với mục tiêu thu hút vốn ĐTNN (giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm) và trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng Việt Nam cần sớm ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư mới hướng đến các dự án quy mô lớn, có sức lan toả trong lĩnh vực công nghệ cao thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư để tạo đột phá, có chọn lọc trong thu hút đầu tư, đảm bảo vị thế cạnh tranh; giữ chân và thu hút các Tập đoàn với chuỗi cung ứng và mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh lớn, có ảnh hưởng và tác động lan toả lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính sách này cần đủ mạnh để thay thế các chính sách thu hút đầu tư bị mất hiệu lực do áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu; đồng thời bảo đảm yêu cầu không nhằm bù đắp cho các nhà đầu tư thuộc phạm vi áp dụng của thuế tối thiểu toàn cầu và thể hiện tinh thần "thiện chí đồng hành" của Chính phủ Việt Nam đối với nhà đầu tư trong bối cảnh tình hình quốc tế thay đổi.

Hiện nay, Chính phủ đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư để trình xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Luật Đầu tư về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư để tạo cơ sở pháp lý cho việc ban hành Nghị định này.

2.2.4. Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

Điều 48 Luật Đầu tư đã quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó bao gồm việc chấm dứt hoạt động liên quan đến tiến độ thực hiện. Tuy vậy, yêu cầu/điều kiện chấm dứt hoạt động chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ

hoặc chưa thực sự phù hợp trong một số trường hợp, cụ thể là:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48, cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp dự án bị thu hồi đất do **không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng** theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quy định này liên quan đến các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, nhưng không áp dụng để chấm dứt hoạt động đối với các dự án chậm tiến độ nhiều năm do nhà đầu tư chưa triển khai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất hoặc không phối hợp trong việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để hoàn thành thủ tục đất đai, dẫn đến tình trạng "dự án treo", dự án chậm tiến độ nhiều năm so với tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 và khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp nhà đầu tư **không thực hiện đúng nội dung** chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm mà không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động.

Theo quy định này, trường hợp nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không được thực hiện đúng là **tiến độ thực hiện** dự án đầu tư thì điều kiện để chấm dứt hoạt động là đã bị cơ quan nhà nước quyết định **ngừng hoạt động** mà không có khả năng khắc phục.

Tuy vậy, yêu cầu về việc ngừng hoạt động trong trường hợp này không thực sự hợp lý vì sẽ làm chậm thêm tiến độ thực hiện dự án, không giải quyết được mục tiêu/điều kiện cần khắc phục trong trường hợp dự án đã bị chậm tiến độ, dẫn đến vướng mắc khi xem xét việc khắc phục điều kiện ngừng hoạt động để chấm dứt hoạt động đối với dự án đầu tư, bởi lẽ việc khắc phục hậu quả như buộc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không khả thi sau khi bị ngừng hoạt động...

Vướng mắc nêu trên đã được nhiều địa phương[9] phản ánh trong quá trình rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 và trong khuôn khổ Tổ công tác đặc biệt về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án đầu tư theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc sửa đổi quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Điều 47 và Điều 48 Luật Đầu tư là cần thiết nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội...

2.2.5. Về việc thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt

Tuy đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào quá

[9] Cao Bằng, Bắc Giang, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Trà Vinh...

trình cải thiện, tăng cường khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh doanh, khai thông, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nhưng thủ tục về đầu tư nhìn chung vẫn còn hạn chế. Thủ tục đầu tư không chỉ được quy định trong Luật Đầu tư mà còn được quy định trong nhiều luật khác nhau như đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy... Việc thực thực hiện thủ tục về đầu tư kéo dài qua nhiều bước, nhiều khâu liên quan đến quy định của pháp luật trong nhiều lĩnh vực khác nhau chưa đáp ứng được yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo,... Ở một số quốc gia, ngoài việc hoàn thiện các chính sách ưu đãi đầu tư, việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trên cơ sở sở áp dụng các thủ tục hành chính đặc biệt đã và đang được thực hiện ở các mức độ khác nhau ...

Tại Việt Nam, việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong một số lĩnh vực như xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch... đã được áp dụng trong các Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương như TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đà Nẵng,... Tuy nhiên, các dự án nói trên vẫn thực hiện theo các thủ tục đầu tư thông thường theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy...

Trên thực tế, nhiều nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực công nghệ cao đang đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm kiến cơ hội đầu tư và xúc tiến các dự án đầu tư có quy mô lớn tại Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc áp dụng thủ tục đầu tư hiện hành đối với các trường hợp này có thể làm mất đi cơ hội trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút đầu tư.

Theo đó, thời gian thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy thường mất nhiều thời gian. Mỗi thủ tục lại có yêu cầu riêng về hồ sơ, trình tự và thời gian, một số thủ tục lại quy định nhiều bước thực hiện (thủ tục xây dựng), một số thủ tục phải thực hiện tuần tự, kết quả của thủ này là đầu vào của thủ tục khác. Tính trung bình, thời gian để thực hiện đầy đủ các thủ tục nêu trên kéo dài từ khoảng 250 ngày đến 350 ngày. Trên thực tế, thời gian thực hiện thủ tục có thể kéo dài hơn do độ trễ vì phải hoàn thiện các hồ sơ và tài liệu có liên quan.

Do vậy, việc xây dựng, bổ sung quy định về quy trình, thủ tục đầu tư đặc biệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đối với các dự án này nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, nhất là các nhà đầu tư chiến lược là cần thiết và cấp bách.

2.3. Liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Trong hơn 03 năm thực hiện Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), có 31 dự án mới đang được triển khai thực hiện và 11 dự án đang chuẩn bị đầu tư theo phương thức PPP. Những dự án này đều là các dự án trọng điểm, quy mô lớn của quốc gia, địa phương với tổng mức đầu tư khoảng 380.000 tỷ đồng, nhu cầu sử dụng khoảng 190.000 tỷ vốn nhà nước. Các dự án PPP mới triển khai theo quy định của Luật PPP dự kiến sẽ hình thành khoảng 1000 km đường cao tốc, 02 cảng hàng không tiêu chuẩn cấp 4C, 03 công trình xử lý chất thải rắn cấp đặc biệt, 03 nhà máy cung cấp nước sạch, góp phần mở rộng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội của các địa phương.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện các dự án theo quy định của Luật PPP còn tồn tại một số hạn chế, bất cập sau:

2.3.1. Về lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong 05 lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; y tế, giáo dục - đào tạo và hạ tầng công nghệ thông tin.

Thực tiễn thu hút đầu tư theo phương thức PPP của các Bộ, ngành, địa phương trong thời gian qua cho thấy, việc quy định cụ thể một số ít các lĩnh vực nêu trên còn thiếu tính linh hoạt, chưa đáp ứng nhu cầu đa dạng trong triển khai thực hiện đầu tư theo phương thức này. Hiện nay, một số Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng và điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong một số lĩnh vực khác nhưng lại chưa được quy định tại Luật PPP. Trên thực tế, một số địa phương đã được áp dụng phương thức PPP đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, đầu tư xây dựng chợ... theo các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế đặc thù phát triển của địa phương (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng).

Nhằm đa dạng hoá các lĩnh vực có tiềm năng và đáp ứng nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP để mở rộng lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP.

2.3.2. Về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP

Theo quy định tại Điều 4 Luật PPP, quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; hạ tầng công nghệ thông tin là 200 tỷ đồng. Riêng dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo và dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì tổng mức đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Thực tiễn thu hút đầu tư của một số Bộ, ngành, địa phương cho thấy, hạn mức vốn này là khá cao đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, chưa tạo cơ chế mở, thông thoáng để huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân phù hợp với điều kiện của từng ngành, địa phương, nhất là đối với các dự án có quy mô nhỏ, nhưng địa phương có

nhu cầu đầu tư và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư do có khả năng kinh doanh.

Để phù hợp với điều kiện đặc thù của việc thực hiện dự án PPP trong từng lĩnh vực cụ thể, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng bãi bỏ quy định về hạn mức quy mô tối thiểu để các cơ quan chủ động, linh hoạt khi áp dụng phương thức PPP đối với từng dự án cụ thể.

2.3.3. Về loại hợp đồng BT

Từ năm 1997 đến nay, quy định của pháp luật về loại hợp đồng BT có nhiều thay đổi, đặc biệt là quy định về hình thức thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT, cụ thể là:

- Trước năm 2014, áp dụng cả hai hình thức thanh toán bằng tiền và bằng quỹ đất theo Nghị định số 108/2009/NĐ-CP;

- Kể từ năm 2014, Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 15/2015/NĐ-CP đã dừng thực hiện hình thức thanh toán bằng tiền;

- Kể từ năm 2018, hình thức thanh toán bằng quỹ đất theo cơ chế ngang giá đã được luật hoá tại Luật Quản lý và sử dụng tài sản công;

- Kể từ năm 2021, hợp đồng BT không áp dụng đối với dự án đầu tư mới.

Việc dừng thực hiện dự án BT theo Luật PPP xuất phát từ những bất cập của việc thực hiện loại hợp đồng này, như: *một số dự án không có mục tiêu đầu tư phù hợp, không cần thiết; giá trị công trình BT được xác định không chính xác, đa số dự án có suất đầu tư cao hơn so với dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc lựa chọn nhà đầu tư chủ yếu được thực hện thông qua hình thức chỉ định thầu không cạnh tranh; công tác giám sát bị xem nhẹ dẫn đến chất lượng công trình không bảo đảm...*

Mặc dù còn tồn tại một số bất cập nhưng theo đánh giá của nhiều Bộ, ngành, địa phương, các dự án BT được thực hiện trong thời gian trước khi Luật PPP có hiệu lực thi hành vẫn có một số đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng tại các địa phương, huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân, giúp giảm áp lực về vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, các dự án đối ứng được thanh toán đầu tư cũng góp phần đáng kể cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

Do vậy, nếu mô hình này được nghiên cứu kỹ lưỡng để đổi mới toàn diện, khắc phục tối đa những bất cập của giai đoạn trước thì vẫn có thể phát huy được hiệu quả. Hiện nay, Quốc hội đã cho phép 03 địa phương được thí điểm triển khai loại hợp đồng BT, gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Nghệ An. Tuy nhiên, cách thức áp dụng còn chưa thống nhất, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù của từng địa phương, cụ thể là:

- Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách thành phố).

- Nghệ An được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất).

- Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (ngân sách thành phố) hoặc thanh toán bằng quỹ đất.

Trong bối cảnh việc huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách ngày càng khó khăn và nhu cầu đầu tư cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng tăng mạnh, cần xem xét tiếp tục áp dụng loại hợp đồng BT theo hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng này.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 4385/TB-TTKKQH ngày 14/10/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội, Chính phủ đã báo cáo cấp có thẩm quyền về chủ trương tiếp tục thực hiện loại Hợp đồng BT (thanh toán bằng tiền và bằng quỹ đất) trên cơ sở đổi mới toàn diện cách thức thực hiện và thanh toán cho nhà đầu tư, khắc phục tối đa các bất cập, vướng mắc trong việc thực hiện loại hợp đồng này.

2.3.4. Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP

Theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP được quy định ở mức không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Nguồn vốn này được sử dụng để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm.

Hiện nay, một số dự án đang được Bộ Giao thông vận tải và các địa phương khẩn trương chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho một số vùng, miền còn khó khăn. Các dự án này có nhu cầu vận tải giai đoạn đầu chưa cao nên cần có sự tham gia vốn nhà nước nhiều hơn để đảm bảo tính khả thi khi thu hút đầu tư theo phương thức PPP. Trong khi đó, một số dự án chỉ tính riêng chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Để tháo gỡ vướng mắc cho một số địa phương, Quốc hội đã cho phép áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức PPP được vượt quá 50% tổng mức đầu tư tại Luật Thủ đô và một số Nghị quyết thí điểm cơ chế đặc thù (Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Thái Bình, Cao Bằng).

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP quy định về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng cho phép Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia trong dự án PPP cao hơn 50% nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án đối với một số trường hợp cụ thể.

2.3.5. Về nguồn vốn thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Theo quy định tại Điều 52 Luật PPP, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án

PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ **nguồn vốn nhà nước** trong 02 trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn, gồm: (i) trường hợp vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước hoặc (ii) trường hợp do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Quy định nêu trên còn thiếu rõ ràng trong việc xác định rõ nguồn vốn nhà nước cụ thể được bố trí để mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, dẫn tới không có trình tự, thủ tục để cân đối, bố trí vốn nhà nước thanh toán trong các trường hợp này. Mặt khác, thực tiễn phát sinh trong thời gian vừa qua cho thấy, một số trường hợp cần phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do sự kiện bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản và cũng cần Nhà nước chi trả một phần chi phí với nhà đầu tư để bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên. Tuy nhiên, quy định tại Luật PPP hiện không cho phép bố trí vốn nhà nước để chi trả trong trường hợp này. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định để bổ sung trường hợp được sử dụng vốn nhà nước để chi trả khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do hoàn cảnh thay đổi cơ bản, đồng thời làm rõ nguồn thanh toán và trình tự, thủ tục tương ứng, bảo đảm có cơ sở pháp lý rõ ràng để thanh toán cho các nhà đầu tư.

2.3.6. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP, chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu được sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự phòng ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, nguồn dự phòng ngân sách nhà nước phụ thuộc vào nguồn thu ngân sách hằng năm nên cần bổ sung các nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP trong trường hợp không bố trí được nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định bổ sung nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP và quy định về việc sắp xếp thứ tự ưu tiên giữa các nguồn vốn này.

2.3.7. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án PPP

Điều 12 Luật PPP quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tuy nhiên chưa xác định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PPP, trong trường hợp dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho một cơ quan có thẩm quyền.

Hiện nay, dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, trong đó phân cấp mạnh mẽ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Do vậy, cần sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án PPP để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đầu tư công; đồng thời bổ sung quy định về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương. Ngoài ra, cần bổ sung nguồn vốn để cơ quan có thẩm quyền của dự án PPP thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư dự án và quản lý hợp đồng sau khi ký kết, bảo đảm đồng bộ với dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi).

2.3.8. Về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật PPP, Hội đồng thẩm định liên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Thực tế cho thấy, việc Hội đồng thẩm định liên ngành tiếp tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, sau khi đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã làm giảm tính chủ động của các địa phương (là cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời tạo gánh nặng cho Hội đồng thẩm định liên ngành.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật PPP theo hướng phân cấp Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (do Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập) thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

2.3.9. Về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và triển khai dự án sau khi ký kết hợp đồng

Theo quy định tại các Điều 11 và Điều 28 Luật PPP, việc chuẩn bị đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện lần lượt theo trình tự: lập báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi đã có chủ trương đầu tư và lập hồ sơ mời thầu sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt. Thực tế cho thấy, để đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, các thủ tục này có thể thực hiện đồng thời mà không nhất thiết phải theo trình tự lần lượt từng bước nêu trên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật PPP, sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức lập thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở của công trình dự án PPP theo quy định của pháp luật về xây dựng. Tuy nhiên, đối với dự án PPP sử dụng vốn nhà nước theo cách thức tách thành "tiểu dự án", việc thực hiện tiểu

dự án sử dụng vốn nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công. Hiện nay, dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội đang gặp vướng mắc trong việc xác định chủ thể lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán của tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước và thời điểm phê duyệt thiết kế.

Do vậy, cần làm rõ nội dung này theo hướng đối với tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP, cơ quan có thẩm quyền sẽ tổ chức lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán đồng thời với quá trình lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm trước khi ký kết hợp đồng thì tài liệu này phải được phê duyệt; sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP sẽ tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công.

2.3.10. Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M

Các Điều 11 và Điều 19 Luật PPP quy định về quy trình thực hiện và nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án PPP, bao gồm cả dự án đầu tư theo loại hợp đồng O&M. Tuy nhiên, đây là một loại hợp đồng mới, có tính chất đặc thù, được thực hiện để khai thác, kinh doanh, quản lý công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đã có sẵn (không có cấu phần xây dựng). Với tính chất đặc thù như vậy, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ chế quản lý hợp đồng cũng có nhiều yếu tố khác biệt. Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án PPP theo loại hợp đồng này trong thời gian qua gặp nhiều vướng mắc, không thể áp dụng trong thực tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi trong quá trình chuẩn bị dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc thực hiện hợp đồng O&M theo hướng giản lược hơn so với các hợp đồng truyền thống khác (như Hợp đồng BOT), bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù, khác biệt của loại dự án này (không có cấu phần xây dựng).

2.3.11. Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành

Theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP, hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án.

Trên thực tế, các hợp đồng được ký kết trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành đều có nội dung thỏa thuận căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và một số văn bản khác có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay một số hợp đồng dự án có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nhưng không thể thực hiện vì các văn bản nêu trên không có quy định áp dụng đối với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành.

2.3.12. Về việc xử lý các vướng mắc đối với các dự án BT chuyển tiếp

Tại Tờ trình số 513/TTr-CP ngày 24/9/2024, Chính phủ đã đề xuất nội dung xử lý các vấn đề vướng mắc đối với các dự án BT chuyển tiếp.

Tuy vậy, đây là nội dung phức tạp, liên quan đến khoảng 160 dự án mà hợp đồng được ký kết chưa đúng với quy định của pháp luật, cần được rà soát, đánh giá kỹ lưỡng từng trường hợp cụ thể.

Do đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật tại Thông báo số 4385/TB-TTKKQH ngày 14/10/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội, Chính phủ đã báo cáo cấp có thẩm quyền về nội dung này theo hướng nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của Quốc hội để tháo gỡ vướng mắc đối với các dự án này trên cơ sở tiếp tục rà soát, đánh giá, phân loại vướng mắc cụ thể đối với từng dự án, xác định mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

2.4. Liên quan đến Luật Đấu thầu

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Tuy nhiên, trong hơn một năm kể từ ngày được Quốc hội thông qua và thực tiễn 9 tháng thi hành Luật Đấu thầu năm 2023 cho thấy, quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Luật này mặc dù đã được cải cách mạnh mẽ nhưng vẫn cần tiếp tục xem xét sửa đổi theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa hơn nữa nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn, cụ thể là:

Một là, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các đối tác phát triển, nhà tài trợ nước ngoài chưa bảo đảm hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, dẫn đến vướng mắc, kéo dài thời gian trong quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài.

Hai là, thực tiễn đã phát sinh một số dự án, gói thầu không thể lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật này mà cần áp dụng cơ chế đặc thù, riêng biệt để đáp ứng yêu cầu cấp bách, đẩy nhanh tiến độ thực hiện (như gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra; lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài; gói thầu phục vụ đón đoàn khách cấp cao nước ngoài thăm chính thức và làm việc tại Việt Nam có yêu cầu cấp bách và phải bảo đảm an ninh, bảo mật...).

Ba là, một số nội dung trong quy trình, thủ tục đấu thầu hiện nay vẫn có thể xem xét đơn giản hóa, phân cấp, phân quyền hơn nữa để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu là cần thiết, cấp bách nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật.

Những hạn chế, vướng mắc cụ thể được phân tích chi tiết dưới đây.

2.4.1. Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)

- Đối với gói thầu sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:

Điều 42 Luật Đấu thầu đã quy định chủ đầu tư được thực hiện một số hoạt động trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết nhưng chỉ cho phép thực hiện trước việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, xác định danh sách ngắn, không bao gồm việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng.

Hiện nay, một số nhà tài trợ, đặc biệt là các nhà tài trợ song phương châu Âu (Đan Mạch, Hungary, Áo, Bỉ, Phần Lan, Tây Ban Nha...) có yêu cầu phải ký kết trước hợp đồng thương mại như một điều kiện ràng buộc để đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Nếu vướng mắc này không được giải quyết thì việc huy động nguồn vốn từ đa số các nước châu Âu sẽ không thể thực hiện được (ước tính giá trị vốn theo cam kết tại các Hiệp định khung và các đề xuất dự án khoảng 550 triệu USD trong 3-5 năm tới).

- Đối với các gói thầu thuộc dự án khác, không phải là dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Hiện nay, Luật Đấu thầu chưa có quy định về việc thực hiện trước một số hoạt động đấu thầu. Theo quy định hiện hành, việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, phi tư vấn, xây lắp để phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng...**chỉ được thực hiện sau khi có quyết định phê duyệt dự án.** Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình chuẩn bị đầu tư vẫn có thể tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu nêu trên trước khi dự án được phê duyệt để đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

2.4.2. Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

a) Về các gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Điều 29 Luật Đấu thầu đã quy định một số gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu đã được quy định tại Luật. Quy định này được luật hóa trên cơ sở Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Luật đã phát sinh yêu cầu phải xem xét bổ sung một số trường hợp khác như sau:

- Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra:

Nếu tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này theo các hình thức quy định của Luật Đấu thầu sẽ không có nhà thầu tham dự do tính chất của các vụ án điều tra thường nhạy cảm, phức tạp, nhà thầu có tâm lý e ngại, không muốn tham dự thầu. Trường hợp phải xử lý tình huống trong đấu thầu để gia hạn thời gian đóng thầu sẽ kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu, gây ảnh hưởng, đình trệ đến tiến độ điều tra, xử lý các vụ án hình sự. Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã yêu cầu Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu này.

- Gói thầu tổ chức các hội nghị, hội thảo có yêu cầu cấp bách:

Trên thực tế, gói thầu này đã được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng chưa được quy định tại Luật Đấu thầu. Các bộ, ngành, địa phương đều kiến nghị bổ sung trường hợp này nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động, đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm thời gian trong đấu thầu cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

- Gói thầu sản xuất phim:

Nội dung gói thầu bao gồm việc lựa chọn diễn viên, kịch bản phim phải gắn với bản quyền của biên kịch... Với tính chất đặc thù như vậy, gói thầu này không thể áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại và mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng đi công tác nước ngoài:

Gói thầu này có tính đặc thù cao vì đề án chính trị, đề án lễ tân... thường được phê duyệt gần sát ngày diễn ra lễ đón khách quốc tế nên thường phải thực hiện gấp; việc lựa chọn nhà thầu cũng phải đáp ứng yêu cầu của đối tác nước ngoài, phải bảo đảm an ninh, bảo mật.

- Gói thầu mua dịch vụ các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế, gói thầu mua dịch vụ hệ thống thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT); gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính - tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch:

+ Gói thầu mua dịch vụ của công ty xếp hạng tín dụng (mua quyền khai thác trực tuyến thông tin từ các công ty xếp hạng có uy tín trên thế giới) có tính đặc thù chuyên môn cao trong lĩnh vực phân tích tài chính quốc tế và đòi hỏi nền tảng kỹ thuật hiện đại, cho phép truy cập khối lượng dữ liệu lớn, bảo mật thông tin khách hàng, không phải bất kì công ty xếp hạng tín dụng nào cũng đáp ứng. Hiện nay, chỉ có 3 công ty Moody's, S&P và Fitch đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, do vậy việc sử dụng dịch vụ của các công ty này trong thời gian tới là cần thiết, bảo đảm cho công tác quản lý dự trữ ngoại hối được an toàn, hiệu quả. Trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và công ty xếp hạng nhỏ trúng thầu thì một số đối tác của Ngân hàng Nhà nước không được xếp hạng,

ảnh hưởng tới danh mục đầu tư, hiệu quả quản lý dự trữ ngoại hối.

+ Đối với gói thầu mua dịch vụ hệ thống thanh toán quốc tế, việc lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu cũng không khả thi do: (i) Hiệp hội SWIFT không phải là nhà thầu và sẽ không tham gia đấu thầu; (ii) Dịch vụ qua hệ thống SWIFT là dịch vụ độc quyền; (iii) Hình thức đặt hàng trực tiếp (e-order) qua trang điện tử của Hiệp hội SWIFT không giống với bất kỳ hình thức lựa chọn nhà thầu nào theo quy định của Luật Đấu thầu.

+ Gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính - tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch có tính đặc thù do hiện nay trên thế giới chỉ có hai hãng Bloomberg và Refinitiv đồng thời tích hợp đầy đủ các dịch vụ về thông tin tài chính và công cụ để thực hiện giao dịch đầu tư trên thị trường. Dịch vụ chuyên nghiệp của Refinitiv và Bloomberg được các định chế tài chính sử dụng rộng rãi trên thị trường quốc tế cũng như tại Việt Nam và khó có lựa chọn thay thế vì các ngân hàng trên thế giới cũng như đối tác của Ngân hàng Nhà nước đều sử dụng hai nền tảng này để giao dịch. Do đây là các công ty quốc tế có phạm vi hoạt động và dịch vụ được sử dụng trên toàn cầu nên thường không sẵn sàng tham gia các hoạt động đấu thầu.

- Gói thầu lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài:

Theo Luật Đấu thầu, việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt chỉ áp dụng đối với gói thầu lựa chọn luật sư để bảo vệ Nhà nước Việt Nam *tại cơ quan tài phán nước ngoài* mà chưa áp dụng đối với gói thầu lựa chọn luật sư bảo vệ Nhà nước Việt Nam *tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng về thương mại nước ngoài*[10]. Hiện nay, khi số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại gia tăng thì nhu cầu giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại cũng tăng lên[11]. Theo thống kê của WTO, các vụ việc giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại chiếm tỷ lệ đa số (55%) trong tổng số các vụ việc giải quyết tranh chấp tại WTO. Quy trình giải quyết tranh chấp tại WTO mang tính chất tố tụng pháp lý nên cần phải thuê luật sư có kinh nghiệm, năng lực pháp lý và kiến thức chuyên sâu về quy định phòng vệ thương mại của WTO và quốc tế để bảo vệ quyền, lợi ích của Chính phủ, doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, nếu các gói thầu này phải lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật Đấu thầu sẽ gặp khó khăn về thời gian, trình tự, thủ tục; trong khi đó, các gói thầu này cần được lựa chọn nhà thầu kịp thời, tránh ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các nghiệp vụ công tác của

---

[10] Ví dụ như trong các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam do Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng, điều tra và ban hành mức thuế phòng vệ thương mại thì Bộ Thương mại Hoa Kỳ được xác định không phải là cơ quan tài phán nước ngoài hay quốc tế

[11] Giai đoạn 2001-2011 là 50 vụ, giai đoạn từ năm 2012 đến 06 tháng đầu năm 2024 có 202 vụ (tăng gần 4 lần). Riêng trong năm 2023 đã phát sinh 15 vụ việc mới do nước ngoài khởi xướng, bên cạnh nhiều vụ việc đang trong quá trình điều tra, hoặc thuộc diện rà soát hàng năm, rà soát cuối kỳ... Tính đến hết tháng 6 năm 2024, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của 252 vụ việc điều tra liên quan đến phòng vệ thương mại từ 24 thị trường.

cơ quan, đơn vị.

- Gói thầu mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện để thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước:

+ Gói thầu mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài là hoạt động để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, thu thập thông tin ngoài nước từ các nguồn chính thống, tin cậy để đối chứng, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước cũng như định hướng thông tin trong nước. Trên thực tế, tại mỗi khu vực, địa bàn trên thế giới chỉ có một hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài có nguồn thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, trong khi các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài không có nhu cầu tham gia hoạt động đấu thầu mà chỉ ký hợp đồng mua bán thông tin với khách hàng có nhu cầu.

+ Gói thầu in ấn phẩm báo chí do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương Đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện là hoạt động có yêu cầu về tính bảo mật và kiểm soát chất lượng thông tin, đảm bảo thông tin không bị sai lệch hay rò rỉ trước khi được phát hành. Nếu tổ chức đấu thầu rộng rãi và doanh nghiệp in trúng thầu sẽ khó kiểm tra, giám sát lại thông tin sau khi in và trước khi phát hành, dẫn đến kéo dài thời gian in ấn và phát hành. Việc cho phép áp dụng cơ chế đặc biệt đối với gói thầu này để giao cho các nhà in, công ty in trực thuộc cơ quan Trung ương Đảng, cơ quan thuộc Chính phủ sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động xuất bản, phát hành các ấn phẩm của báo nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả.

b) Về thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Đấu thầu, trừ các gói thầu thuộc quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu khác; Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu và không thuộc trường hợp quy định tại Luật Đấu thầu.

Để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự linh hoạt, chủ động, rút ngắn thời gian, quy trình, thủ tục trong việc quyết định áp dụng các gói thầu được lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, cần xem xét sửa đổi quy định tại Điều 29 Luật Đấu thầu.

2.4.3. Về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế, đấu thầu trong nước

- Về đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế

Việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài là quy định của hầu hết các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, Luật Đấu thầu (điểm a khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 22) quy định đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế chỉ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế theo điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đã ký kết. Trong quá trình đàm phán các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trường hợp có quy định về đấu thầu của nhà tài trợ khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu thì phải báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (Điều 3 Luật Đấu thầu).

Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và phải vay với điều kiện gần với thị trường, chỉ còn một số ít nước như Nhật Bản, Hàn Quốc (là 02 nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam) và một số nước châu Âu còn duy trì vốn ODA nhưng phải có điều kiện ràng buộc về đấu thầu hạn chế giữa các nhà thầu của nước tài trợ.

- Về đấu thầu trong nước

Các nhà tài trợ đa phương (chủ yếu là Ngân hàng Thế giới - WB, Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB ...) và các tổ chức tài chính quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên đều có quy định bắt buộc phải cho phép nhà thầu thuộc danh sách các quốc gia hợp lệ được tham dự thầu trong nước; trong khi Luật Đấu thầu quy định đấu thầu trong nước chỉ cho phép nhà thầu trong nước tham dự thầu. Theo Quy chế mua sắm của các tổ chức này, yêu cầu về xuất xứ nhà thầu là không thể thay đổi và không thể đàm phán được đối với từng khoản vay cụ thể.

Việc không cho phép đấu thầu hạn chế, đấu thầu quốc tế, đấu thầu trong nước có sự tham gia của các nhà thầu nước ngoài đối với các gói thầu, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi sẽ làm vô hiệu các nguyên tắc cơ bản về ODA ràng buộc và ODA không ràng buộc đã được quy định tại Luật Quản lý nợ công. Nếu không xử lý được vấn đề này, các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng vốn vay của Nhật Bản, các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc (trong giai đoạn 2026 - 2030 là 02 tỷ USD) phải thực hiện các thủ tục trình duyệt của các cấp có thẩm quyền, phát sinh nhiều thủ tục hành chính và thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án. Trường hợp Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến thường mất 4 - 5 tháng dẫn đến làm kéo dài quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay[12].

Do vậy, cần xem xét, sửa đổi quy định tại khoản 11 Điều 4 về đấu thầu trong nước, Điều 11 về đấu thầu quốc tế và Điều 22 về đấu thầu hạn chế để hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, góp phần tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh quá

[12] Dự án hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu Thành phố Vinh, Nghệ An được Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ tháng 01/2024 và đến tháng 5/2024 Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thông báo kết luận đồng ý về một số khác biệt giữa quy định của IBRD và Luật Đấu thầu.

trình đàm phán, ký kết các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế là 3,06 tỷ USD và đấu thầu quốc tế là 16,57 tỷ USD. Trong giai đoạn từ 2024 - 2027, tổng danh mục Việt Nam vay vốn Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á trị giá 16,6 tỷ USD cho 45 dự án, trong đó các nhà tài trợ đều yêu cầu nhà thầu thuộc danh sách các quốc gia hợp lệ được tham dự thầu trong nước.

2.4.4. Về quy định mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện công lập

Hiện nay, việc mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện đều sử dụng nguồn thu hợp pháp của cơ sở y tế và chủ đầu tư phải tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 Luật Đấu thầu. Trường hợp tổ chức đấu thầu rộng rãi thì cơ sở y tế thường tổng hợp danh mục thuốc do quỹ bảo hiểm y tế chi trả của bệnh viện và thuốc bán lẻ tại nhà thuốc để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Do vậy, với khối lượng mua sắm thuốc lớn, quá trình lựa chọn nhà thầu có thể bị kéo dài nên không đáp ứng tính kịp thời đối với hoạt động bán lẻ thuốc trong nhà thuốc bệnh viện. Trong trường hợp này, cơ sở y tế thường lựa chọn hình thức mua sắm trực tiếp (áp giá) để mua thuốc bán lẻ tại nhà thuốc bệnh viện.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 25 Luật Đấu thầu, trường hợp chủ đầu tư áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp thì chỉ được áp dụng 01 lần đối với 01 dự toán mua sắm nên chưa đáp ứng yêu cầu đặc thù của việc bán lẻ thuốc tại nhà thuốc bệnh viện như: bán thuốc theo nhu cầu điều trị của người bệnh, không dự trù trước được số lượng; cơ sở y tế cần phải mua ngay được các loại thuốc phù hợp với công tác khám bệnh, chữa bệnh của từng cơ sở y tế…

Do vậy, cần xem xét, sửa đổi quy định tại Điều 55 Luật Đấu thầu để tháo gỡ khó khăn cho hoạt động bán lẻ thuốc tại nhà thuốc bệnh viện, đẩy nhanh tiến độ mua sắm thuốc, bảo đảm chất lượng, phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh.

2.4.5. Về phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ

Khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu quy định phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi *kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.*

Tuy nhiên, pháp luật về khoa học, công nghệ chưa có quy định về tiêu chí xác định gói thầu kỹ thuật cao nên các chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc xác định phương thức lựa chọn nhà thầu, đặc biệt là các gói thầu đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng… Do vậy, cần bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu để tháo gỡ vướng mắc nêu trên.

2.4.6. Một số nội dung khác

a) Về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu, nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức đáp ứng tư cách hợp lệ để tham dự thầu không bao gồm đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)...

Do vậy, các đơn vị nêu trên mặc dù có năng lực, kinh nghiệm thực hiện các gói thầu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đó nhưng không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu nên không đủ tư cách để tham dự thầu.

b) Về thời gian lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ tư vấn

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng và gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng tối thiểu là 09 ngày.

Theo quy định nêu trên, gói thầu dịch vụ tư vấn đều áp dụng chung thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu là 18 ngày mà không phân biệt giá trị gói thầu. Trên thực tế, một số gói thầu giá trị nhỏ, đơn giản như lựa chọn tư vấn đấu thầu, tư vấn lập dự toán, tư vấn giám sát... hoặc các gói thầu có yêu cầu cấp bách, cần triển khai gấp vẫn phải tuân thủ thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu 18 ngày nên thời gian lựa chọn nhà thầu thường bị kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu để bảo đảm quyền lợi của các đối tượng trong quá trình tham dự thầu và rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu.

c) Về việc áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với gói thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Luật Dự trữ quốc gia, trường hợp không thể áp dụng đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh do tính chất đột xuất, cấp bách, yêu cầu thời vụ, thời điểm đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia là thuốc phòng, chống dịch bệnh, hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng thì được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, các hàng hóa nêu trên không thuộc trường hợp chỉ định thầu, dẫn đến vướng mắc đối với hoạt động dự trữ quốc gia phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh của ngành nông nghiệp.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu để tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong các quy định của hai Luật về trường hợp chỉ định thầu đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia.

d) Về căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu đối với gói thầu thuộc đề án, nhiệm vụ quy hoạch

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 3 Điều 23 Luật

Đấu thầu, một trong các căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu là phải có *quyết định đầu tư* được phê duyệt. Tuy nhiên, pháp luật về quy hoạch chỉ quy định quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch, không quy định khái niệm "*quyết định đầu tư*", dẫn đến khó khăn trong việc xác định điều kiện chỉ định thầu và xác định căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần sửa đổi các quy định nêu trên của Luật Đấu thầu để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về quy hoạch.

đ) Về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu

Theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp *dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn* phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập *đã trúng thầu.*

Quy định nêu trên của Luật Đấu thầu chỉ áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu, không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp được lựa chọn không thông qua đấu thầu (như bệnh viện công lập được các công ty ký hợp đồng trực tiếp để cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; Đài truyền hình cung cấp dịch vụ quảng cáo cho doanh nghiệp...). Đồng thời, quy định này chỉ áp dụng đối với việc lựa chọn nhà thầu để cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, chưa bao gồm các loại hàng hóa khác, dẫn đến khó khăn trong việc mua sắm để phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập (như bệnh viện công lập mua vật tư, hóa chất xét nghiệm để thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ khám sức khỏe).

Do vậy, cần sửa đổi quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu để tạo sự chủ động, linh hoạt, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Về bảo đảm cạnh tranh giữa nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn

Luật Đấu thầu và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP cho phép công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước được tham dự các gói thầu của nhau. Quy định này đã tạo thuận lợi cho nhà thầu là các công ty con, công ty thành viên được tham dự các gói thầu do tập đoàn, tổng công ty là chủ đầu tư mà không phải đáp ứng điều kiện bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 6 Luật Đấu thầu, nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các nhà thầu tư vấn cho chính gói thầu đó. Trường hợp tổ chức đấu thầu quốc tế, quy định này làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu trong nước là đơn vị có chức năng, hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, xây lắp, cung cấp dịch vụ chuyên ngành trực thuộc tập đoàn,

tổng công ty Nhà nước do các đơn vị này (nhà thầu tham dự thầu và nhà thầu tư vấn) đều có cổ phần, vốn góp trên 20% của tập đoàn, tổng công ty. Do vậy, cần xem xét sửa đổi quy định tại điểm d khoản 4 Điều 6 Luật Đấu thầu để tạo thuận lợi cho các công ty con, công ty thành viên của tập đoàn, tổng công ty được tham dự trong cùng một gói thầu đấu thầu quốc tế, tăng tính cạnh tranh cho gói thầu.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục tiêu

Việc xây dựng, ban hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết các khó khăn, vướng mắc cấp thiết trong thực tiễn triển khai liên quan đến công tác quy hoạch, thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, đầu tư theo theo phương thức đối tác công tư và hoạt động đấu thầu; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

2. Quan điểm

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu được xây dựng trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

a) Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định của các luật có mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cấp bách cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

b) Những quy định cần sửa đổi, bổ sung phải được xác định rõ ràng nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung và đánh giá tác động cụ thể; đồng thời, bảo đảm tính độc lập, ổn định, thống nhất, kế thừa được nội dung khi sửa đổi, bổ sung toàn diện các luật.

c) Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước liên quan đến nội dung chính sách (nếu có) để bảo đảm sự tương đồng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Thực hiện Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 Quốc hội, Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về kỳ họp thứ 5 và thứ 6 Quốc hội khóa XV, triển khai Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và nội dung tại Báo cáo số 332/BC-BTP ngày 13/8/2024 của Bộ Tư pháp liên quan đến một số vấn đề khó khăn, vướng mắc của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Luật Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát các quy định pháp luật có liên quan của Luật Đầu

tư, Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Luật Quy hoạch, Luật Đấu thầu để nghiên cứu đề xuất sửa đổi, hoàn thiện.

2. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật tại Quyết định số 1923/QĐ-BKHĐT và 1924/QĐ-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gồm Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư là Trưởng Ban soạn thảo, thành viên gồm Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và lãnh đạo một số bộ, cơ quan liên quan.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, lập đề nghị xây dựng dự án Luật, tổ chức hội thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, doanh nghiệp và các Thành viên của Ban soạn thảo, Tổ biên tập[13] về đề nghị xây dựng dự án Luật.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật trên cơ sở tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật tại Tờ trình số 6968/TTr-BKHĐT ngày 29/8/2024.

5. Tại Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 1/9/2024 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024, Chính phủ đã có Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội để đề nghị bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) theo quy trình 01 kỳ họp.

6. Thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Hồ sơ dự án Luật, Bộ đã tổ chức các cuộc họp[14], có các công văn gửi các bộ, cơ quan liên quan để chuẩn bị nội dung, cho ý kiến về dự án Luật[15], đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7. Ngày 12/9/2024, Hội đồng thẩm định đã họp để tiến hành thẩm định dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

8. Ngày 14/9/2024, tại Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2024, Chính phủ đã xem xét, thông qua dự án Luật để trình Quốc hội (Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 22/9/2024 của Chính phủ).

Trên cơ sở Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 22/9/2024 của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký trình Quốc hội dự án Luật.

9. Ngày 10/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã cho ý kiến về dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo

---

[13] Trong các ngày từ 20-22/8/2024 tại Vĩnh Phúc.

[14] Hội thảo tổ chức tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh trong các ngày 6/9/2024, 9/9/2024 và 11/9/2024.

[15] Tại công văn số 6971/BKHĐT-PC ngày 29/8/2024.

số 4385/TB-TTKQH ngày 14/10/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan liên quan chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, ủy quyền Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thay mặt Chính phủ, ký trình Quốc hội dự án Luật.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã rà soát các nội dung liên quan đến các luật khác, bao gồm các luật đang sửa đổi hoặc sẽ trình Quốc hội sửa đổi tại kỳ họp thứ 8, các quy định về áp dụng Luật, điều khoản thi hành… để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh mâu thuẫn, chồng chéo... Chính phủ sẽ tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan có liên quan thực hiện nội dung này.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật gồm **06** Điều, trong đó:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch

Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư

Điều 3: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Điều 4: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu

Điều 5: Hiệu lực thi hành

Điều 6: Điều khoản chuyển tiếp

2. Nội dung cơ bản của dự án Luật

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo nêu tại Mục II.2 Tờ trình, Dự thảo Luật cụ thể hóa **09** nhóm chính sách lớn trong đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch

2.1.1. Với mục tiêu hoàn thiện các quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch; kinh phí cho hoạt động quy hoạch; thống nhất các khái niệm, thuật ngữ với quy định của pháp luật chuyên ngành để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của pháp luật về quy hoạch, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch như sau:

- Bãi bỏ quy định tại khoản 5 Điều 5, Điều 28, đồng thời sửa đổi mục 11 Phụ lục II Luật Quy hoạch để quy định "*quy hoạch đô thị và nông thôn*" là *"quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành"* bảo đảm phù hợp với tính chất của loại quy hoạch này và đồng bộ với quy định tại dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 6 thành "Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia.

Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia." và sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 20 thành "Quy hoạch cao hơn (nếu có)" để giải quyết vướng mắc trong trường hợp quy hoạch cao hơn chưa được quyết định hoặc phê duyệt trên cơ sở kế thừa các quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 và Nghị quyết số 61/2022/QH15.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 6 thành "Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có liên quan theo quy định của Chính phủ" để làm rõ mối quan hệ giữa các loại quy hoạch, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống quy hoạch quốc gia, đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, góp phần thúc đẩy đầu tư, tăng trưởng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9 để làm rõ:

+ Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch liên quan tới quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, theo đó:

i) Chi phí lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trừ quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng và quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo pháp luật về đất đai.

ii) Chi phí lập, thẩm định, điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch; thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch; đánh giá; điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

+ Chi phí lập, thẩm định, công bố, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

+ Chính phủ sẽ quy định chi tiết việc sử dụng các nguồn kinh phí, bao gồm cả việc huy động và sử dụng nguồn lực của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch theo yêu cầu tại khoản 10 Điều 3 Luật Quy hoạch, trên cơ sở kế thừa quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

- Sửa đổi các khái niệm liên quan tới phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước; phương án phát triển điện lực và phương án quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn trong nội dung quy hoạch tỉnh tại điểm d, e và h khoản 2 Điều 27 trên cơ sở phù hợp với quy định tại Luật Thủy lợi, dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và dự thảo Luật Điện lực đã trình Quốc hội.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 1 tại Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024.

2.1.2. Với mục tiêu hoàn thiện quy định về nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch; nội dung quy hoạch; kế hoạch thực hiện và điều chỉnh quy hoạch, chế độ báo cáo, bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch như sau:

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quy hoạch để phân quyền tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung quy định về điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Sửa đổi quy định tại điểm b, c, d khoản 1 và điểm b, c, d khoản 3 Điều 16 theo hướng bãi bỏ quy định "*các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan lựa chọn tổ chức tư vấn để xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này trước khi gửi cơ quan lập quy hoạch*" để tránh trùng lặp với quy định về lựa chọn tư vấn "**lập quy hoạch**" tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 16, quy định về tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch tại khoản 1 Điều 30; đồng thời quy định cụ thể về sự tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương trong quá trình lập quy hoạch.

Bổ sung khoản 5 Điều 16 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này trên cơ sở kế thừa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về "Danh mục dự án" tại các Điều 22, 23, 25, 26 và 27 thành "Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia" trong các quy hoạch cấp quốc gia; "Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên" trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

- Sửa đổi quy định tại Điều 45 theo hướng bỏ quy định "kế hoạch sử dụng đất" là một nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch để tránh trùng lặp với kế hoạch sử dụng đất được lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Sửa đổi quy định tại Điều 51 để làm rõ các trường hợp điều chỉnh quy hoạch.

- Bổ sung quy định tại Điều 54a về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn trên cơ sở kế thừa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 bao gồm:

+ Làm rõ việc điều chỉnh quy hoạch theo trình tự thủ tục rút gọn trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu của quy hoạch, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch;

+ Quy định cụ thể 04 trường hợp được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn, bao gồm: *a) Việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính và các dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một số nội dung quy hoạch; b) Quy hoạch có mâu thuẫn với*

quy hoạch cao hơn; c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp; d) Việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh làm thay đổi phân kỳ thực hiện, thông số, thông tin của công trình, dự án đã được xác định tại quy hoạch. Trong đó việc quy định điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn và quy hoạch cùng cấp được kế thừa từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

+ Quy định trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó xác định một số trường hợp cần trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch trước khi chỉ đạo xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch. Kế thừa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15, dự thảo Luật quy định quy trình điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn theo hướng rút gọn thủ tục thành lập hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch nhưng vẫn bảo đảm được sự tham gia của các cơ quan có liên quan trong quá trình lấy ý kiến đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch.

Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, dự thảo Luật quy định phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương điều chỉnh các quy hoạch này theo trình tự, thủ tục rút gọn từ Quốc hội sang Chính phủ để bảo đảm đơn giản hóa trình tự, thủ tục, đáp ứng yêu cầu điều chỉnh cấp bách. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp này vẫn được giữ nguyên là Quốc hội.

Đối với quy hoạch tỉnh, để bảo đảm chất lượng của quy hoạch được điều chỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh, gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp có mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn hoặc quy hoạch cùng cấp trước khi xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan; đồng thời, trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự thảo Luật cũng đã có quy định quy trình rà soát hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh của các các Bộ, cơ quan ngang Bộ sau khi UBND cấp tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan.

Đồng thời, trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự thảo Luật cũng đã có quy định quy trình rà soát hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh của các các Bộ, cơ quan ngang Bộ sau khi Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan.

- Sửa đổi Điều 49 để gộp nội dung "rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm" tại Điều 52 vào nội dung "đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ" tại Điều 49 để tránh trùng lặp, đơn giản hoá chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian và nguồn lực thực hiện, đồng thời bãi bỏ quy định về rà soát định kỳ 05 năm tại Điều 52 Luật Quy hoạch.

- Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 56 theo hướng phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh để đề cao trách

nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của cấp tỉnh trong tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 2 tại Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 4/9/2024 của Chính phủ.

2.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư

Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, cụ thể như sau:

2.2.1. Với mục tiêu tăng cường phân quyền, bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh lãng phí thời gian, nguồn lực, tinh giản quy trình, thủ tục, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ, Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 31, 33 của Luật Đầu tư như sau:

- Bãi bỏ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt.

- Sửa đổi, bổ sung điểm g1 khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư và sửa đổi điểm b1 khoản 1 Điều 32 để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư không phân biệt quy mô thuộc phạm vi bảo vệ của khu vực I và khu vực II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ các dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới. Thủ tướng Chính phủ chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án tại khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 3 Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

2.2.2. Với mục tiêu quy định cụ thể việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị và nông thôn để có căn cứ pháp lý áp dụng thống nhất; rút ngắn thời gian thẩm định chủ trương đầu tư dự án, đồng thời bổ sung quy định về việc thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư để khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, tăng sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư của Việt Nam; thích ứng với sự thay đổi của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu và hoàn thiện quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các Điều 18, 33, 47 và 48 của Luật Đầu tư như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư để quy định:

đối với quy hoạch đô thị và nông thôn, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập hoặc đang triển khai lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

- Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Đầu tư để quy định việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư; Giao Chính phủ quy định chi tiết mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, nguồn ngân sách cấp hàng năm và bổ sung cho Quỹ, hình thức hỗ trợ chi phí của Quỹ, cơ chế bồi hoàn hỗ trợ và các chính sách đặc thù khác của Quỹ, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 47 và Điều 48 để quy định việc cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp *sau 24 tháng kể từ thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư hoặc mục tiêu hoạt động của từng giai đoạn (nếu có) quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không hoàn thành mục tiêu hoạt động này và không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ theo quy định.*

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 4 tại Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

2.2.3. Với mục tiêu đơn giản hoá trình tự, thủ tục đầu tư, rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án đầu tư để tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược cho các dự án đầu tư vào một số lĩnh vực cần ưu tiên thu hút đầu tư, Điều 2 dự thảo Luật đã bổ sung Điều 36a tại Luật Đầu tư để quy định thủ tục đầu tư đặc biệt theo hướng chuyển từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm, cụ thể như sau:

Thủ tục đầu tư đặc biệt được áp dụng cho các dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế bao gồm: a) Dự án đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, vật liệu bán dẫn; b) Dự án đầu tư thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ đăng ký được gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ,

Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nội dung đánh giá hồ sơ đăng ký đầu tư bao gồm: a) Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này; b) Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế. Trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung; c) Tư cách pháp lý và kinh nghiệm của nhà đầu tư; d) Nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đ) Tiến độ thực hiện dự án; e) Nội dung cam kết của nhà đầu tư; g) Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có).

Dự án đăng ký đầu tư theo quy định của Điều này không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư; thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng, không phải lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và không phải thực hiện các thủ tục để được cấp giấy phép, phê duyệt, chấp thuận, cho phép, xác nhận và các yêu cầu khác thuộc các lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cam kết của nhà đầu tư theo quy định tại Điều này là cơ sở để thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá và các hoạt động động quản lý đối với dự án đầu tư về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, sử dụng và chuyển giao công nghệ, phòng cháy, chữa cháy.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cam kết của nhà đầu tư và các hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định tại Điều này là cơ sở để thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và các hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, sử dụng và chuyển giao công nghệ, phòng cháy, chữa cháy.

Việc triển khai thực hiện dự án đầu tư phải tuân thủ các quy định của Luật này, pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy, chữa cháy và quy định của pháp luật có liên quan, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các cam kết về xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ và phòng cháy, chữa cháy và chịu trách nhiệm về việc không thực hiện đúng cam kết của mình.

Trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã cam kết thì bị xem xét xử lý vi phạm hành chính, ngừng, chấm dứt hoạt động và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Điều 47, Điều 48 của Luật này và pháp luật có liên quan.

Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm: a) Theo dõi, thông báo cho nhà đầu tư những nội dung chưa phù hợp liên quan đến việc triển khai, thực hiện dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cam kết của nhà đầu tư; b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cam kết của nhà đầu tư; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư; c) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thực hiện theo ủy quyền hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư về xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 5 tại Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

2.3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau:

2.3.1. Sửa đổi, bổ sung các quy định về lĩnh vực, hình thức, phương thức thực hiện dự án PPP nhằm mở rộng, đa dạng hóa các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP, gồm:

a) Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP để không hạn chế các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP. Theo đó, trừ các dự án thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực hoặc dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong các lĩnh vực đầu tư công nhằm mục đích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

b) Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng bãi bỏ hạn mức quy mô tối thiểu đối với các dự án PPP;

c) Bổ sung quy định tại Điều 14 để giao trách nhiệm cho Bộ, ngành và địa phương trong việc lựa chọn dự án có tính khả thi, đủ điều kiện để áp dụng phương thức PPP, như: có quy mô phù hợp và có khả năng tạo nguồn thu cho nhà đầu tư;

d) Tiếp tục áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền và thanh toán bằng quỹ đất theo hướng đổi mới toàn diện cách thức thực hiện và thanh toán cho nhà đầu tư, khắc phục tối đa các bất cập, vướng mắc trong việc thực hiện loại hợp đồng này, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng ngân sách nhà nước:

+ Cơ quan có thẩm quyền căn cứ thiết kế kỹ thuật để xác định cụ thể dự toán xây dựng công trình dự án BT (trong đó gồm chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi

nhuận hợp lý của nhà đầu tư), làm cơ sở để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư đề xuất giá trị thanh toán thấp nhất được xét duyệt trúng thầu.

+ Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình được nghiệm thu theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thanh toán cho nhà đầu tư. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình dự án BT theo quy định của pháp luật về xây dựng như đối với dự án đầu tư công.

+ Nguồn thanh toán phải được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để có cơ sở thanh toán hoặc được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT từ nguồn tiền thu được từ đấu giá tài sản công[16].

Theo quy định nêu trên, một số bất cập của loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền thực hiện trong giai đoạn trước đã được khắc phục theo hướng: xác định chính xác tổng mức đầu tư công trình BT trên cơ sở thiết kế kỹ thuật (tương tự như công trình đầu tư công); nhà đầu tư được lựa chọn thông qua đấu thầu rộng rãi, không áp dụng chỉ định thầu; nguồn thanh toán phải được xác định trước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hoặc tài sản công sẽ tổ chức đấu giá) để giảm rủi ro chậm thanh toán làm tăng chi phí lãi vay; cơ quan có thẩm quyền giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư để bảo đảm chất lượng công trình.

- Đối với hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng quỹ đất:

+ Cơ quan có thẩm quyền xác định cụ thể công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán (về diện tích, về giá trị) tại các thời điểm lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu và ký kết hợp đồng. Quỹ đất được sử dụng phải thuộc diện thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai hoặc do Nhà nước quản lý theo Điều 217 Luật Đất đai.

+ Tổ chức đấu thầu và ký kết hợp đồng, bảo đảm công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán có giá trị tương đương; nhà đầu tư bảo đảm có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện đồng thời cả công trình BT và công trình trên quỹ đất dự kiến thanh toán.

+ Áp dụng cơ chế bù trừ phần chênh lệch khi quyết toán trong trường hợp giá trị quỹ đất thực tế vượt giá trị cam kết tại hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà đầu tư chỉ được thanh toán khi đã hoàn thành 50% khối lượng công trình BT và chỉ được kinh doanh, khai thác công trình trên quỹ đất dự kiến thanh toán khi hoàn thành công trình BT, trừ trường hợp Nhà nước chậm bàn giao mặt bằng xây dựng của công trình dự án BT.

Phương án này có ưu điểm là tạo cơ sở pháp lý để huy động thêm nguồn lực từ đất đai cho đầu tư phát triển và khắc phục được bất cập trong việc xác định giá trị

---

[16] Trường hợp thanh toán bằng nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, cần xem xét, sửa đổi bổ sung Luật Ngân sách nhà nước để cho phép áp dụng cơ chế tiền thu được từ bán đấu giá được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT mà không phải nộp về ngân sách nhà nước và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết việc ghi thu, ghi chi trong trường hợp này.

công trình BT, giá trị quỹ đất thanh toán tại thời điểm lập dự án, đấu thầu, ký kết hợp đồng[17].

đ) Bổ sung loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư tự nguyện đề xuất đầu tư xây dựng công trình và chuyển giao cho Nhà nước quản lý, sử dụng mà không yêu cầu thanh toán chi phí đầu tư xây dựng theo hướng:

+ Nhà đầu tư đề xuất dự án kèm báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ năng lực của nhà đầu tư và dự thảo Hợp đồng. Công trình nhà đầu tư đề xuất đầu tư xây dựng phải thuộc lĩnh vực đầu tư công nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

+ Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng; hợp đồng được ký kết sau khi dự án được phê duyệt;

+ Nhà đầu tư tổ chức thi công và chuyển giao công trình cho nhà nước sau khi hoàn thành;

+ Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm giám sát để bảo đảm chất lượng công trình và tiếp nhận, quản lý, sử dụng công trình.

2.3.2. Sửa đổi các quy định về cơ chế tài chính đối với dự án PPP nhằm nâng cao tính khả thi, hiệu quả thực hiện dự án PPP, bảo đảm phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, gồm:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn nhà nước ở mức 50% và áp dụng mức cao hơn 50% nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư đối với dự án PPP thuộc một hoặc các trường hợp: (i) có chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm vượt quá 50% tổng mức đầu tư; (ii) thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (iii) có yêu cầu tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến từ nhà đầu tư tư nhân và cần sử dụng vốn nhà nước cao hơn hạn mức 50% để bảo đảm tính khả thi về tài chính của dự án.

Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ cao hơn mức 50% đối với dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương hoặc hỗn hợp vốn trung ương và vốn địa phương; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 70 theo hướng không quy định việc xác định giá trị tài sản công là phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 69 Luật PPP để bổ sung mục đích sử dụng

---

[17] Phương án này cần tiếp tục hoàn thiện để xử lý được tình trạng giá trị quỹ đất thực tế tại thời điểm giao đất vượt gấp nhiều lần giá trị quỹ đất dự kiến tại hợp đồng, bảo đảm có đủ cơ sở pháp lý để áp dụng cơ chế bù trừ chênh lệch và giao toàn bộ (hoặc một phần) quỹ đất dự kiến cho nhà đầu tư theo cam kết tại hợp đồng. Ngoài ra, để có cơ sở pháp lý sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 Luật Đất đai năm 2024 để thanh toán cho nhà đầu tư, cần sửa đổi Luật Đất đai để bổ sung trường hợp này.

vốn Nhà nước trong dự án PPP, gồm: chi trả chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; chi thanh toán cho các dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước;

d) Bổ sung quy định tại Điều 52 Luật PPP nhằm làm rõ trình tự, thủ tục sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không phải do lỗi của nhà đầu tư.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng cơ quan có thẩm quyền của dự án căn cứ khả năng bố trí của từng nguồn vốn và mức độ ưu tiên của các nhiệm vụ chi ngân sách trong từng thời kỳ, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng các nguồn vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Dự phòng ngân sách trung ương và dự phòng ngân sách địa phương hằng năm cho chi đầu tư phát triển.

+ Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách trung ương và nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển.

+ Dự phòng chung nguồn ngân sách trung ương và dự phòng chung nguồn ngân sách địa phương của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Đối với dự án PPP sử dụng ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hoặc dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều địa phương thì ưu tiên sử dụng ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng quyết định chủ trương đầu tư; ưu tiên sử dụng ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định chủ trương đầu tư.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 6 tại Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

2.3.3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PPP nhằm đẩy mạnh phân cấp trong quá trình thực hiện dự án PPP, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương và đơn giản hoá thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư nhằm rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, gồm:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Luật PPP theo hướng phân cấp nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư cho Hội đồng thẩm định cấp cơ sở; phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 11 Luật PPP để quy định quy trình, thủ tục rút gọn đối với 03 nhóm dự án: (i) dự án PPP quy mô nhóm B trở xuống và không có yêu cầu sử dụng vốn nhà nước; (ii) dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán; iii) dự án áp dụng loại hợp đồng O&M.

c) Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 12 Luật PPP để bảo đảm đồng bộ, thống nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP và dự án đầu tư công (đang được sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công) theo tinh thần phân cấp triệt để cho địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ

quan có thẩm quyền được quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của nhiều địa phương).

d) Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 13 Luật PPP theo hướng cắt giảm thủ tục thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi).

đ) Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 19 Luật PPP theo hướng cho phép lập báo cáo nghiên cứu khả thi trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư; quy định riêng về nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M; cho phép dự án PPP đã được đánh giá tác động môi trường tại báo cáo nghiên cứu khả thi thì nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án PPP không cần đánh giá lại khi triển khai hợp đồng dự án.

e) Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Luật PPP về thẩm quyền phê duyệt dự án PPP để đồng bộ với nội dung phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư ở Điều 12. Đồng thời, bổ sung nguồn vốn chi thường xuyên và nguồn vốn hợp pháp khác vào Điều 73 để cơ quan có thẩm quyền dự án PPP có căn cứ sử dụng để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư và quản lý hợp đồng sau khi ký kết.

g) Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Luật PPP theo hướng cho phép cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau: lựa chọn danh sách ngắn trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

h) Sửa đổi, bổ sung Điều 49 và khoản 1 Điều 57 Luật PPP theo hướng quy định: đối với tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP, cơ quan có thẩm quyền sẽ tổ chức lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán đồng thời với quá trình lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm trước khi ký kết hợp đồng thì tài liệu này phải được phê duyệt; sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP sẽ tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 7 theo Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

2.3.4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 101của Luật PPP nhằm xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án PPP chuyển tiếp, theo hướng: Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án. Trường hợp pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án không có quy định mà cần sửa đổi, bổ sung hợp đồng thì các bên được thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung hợp đồng về việc áp dụng quy định của Luật này và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 8 tại Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

2.4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu

Với mục tiêu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật Đấu thầu; tiếp tục đơn giản hóa hơn nữa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, cắt giảm thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu; tăng cường phân cấp quyết định các nội dung trong quy trình, thủ tục đấu thầu nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu, Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu như sau:

2.4.1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu theo hướng:

a) Cho phép chủ đầu tư được thực hiện trước toàn bộ các hoạt động lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả việc *phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu* trước khi dự án được phê duyệt; được *ký kết hợp đồng* thương mại trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài và sau khi dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư.

Các gói thầu có thể thực hiện đấu thầu trước gồm:

- Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;

- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;

- Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;

- Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ.

Ngoài ra, chủ đầu tư có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc như khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu mà không phải chia thành nhiều gói thầu riêng biệt.

b) Cho phép nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu nhưng phải cam kết trong hồ sơ dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu.

Việc cho phép thực hiện đấu thầu trước bảo đảm tính khả thi và thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật bởi vì:

Một là, việc thực hiện đấu thầu trước không dẫn đến rủi ro cho các bên do đã được dự liệu trước tại khoản 5 Điều 42 dự thảo Luật. Theo đó, khi tham dự thầu, nhà thầu đã được xác định trước mọi rủi ro nếu nhà thầu được xét duyệt trúng thầu hoặc được ký hợp đồng nhưng không được tiếp tục thực hiện do dự án không được

phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay không được ký kết. Những nội dung này đều được quy định trong hồ sơ mời thầu để các nhà thầu quyết định việc tham dự thầu của mình.

Hai là, việc cho phép áp dụng đấu thầu trước đối với các gói thầu đã xác định được phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật cũng không gây ra các rủi ro cho chủ đầu tư và nhà thầu do khối lượng công việc, yêu cầu kỹ thuật đã được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu, bảo đảm chỉ sau khi dự án được duyệt hoặc sau khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay thì các bên mới được triển khai thực hiện gói thầu; bên cạnh đó, ngoài chi phí tham dự thầu qua mạng (330.000 đồng), nhà thầu không phải thực hiện bảo lãnh dự thầu; do vậy, trường hợp chủ đầu tư hủy thầu thì rủi ro về chi phí cho nhà thầu là không đáng kể.

Ba là, việc thực hiện đấu thầu trước bảo đảm tính khả thi và không dẫn đến xung đột, chồng chéo với quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư công, xây dựng bởi vì việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án sẽ căn cứ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công) và kế hoạch sản xuất kinh doanh (đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước), do đó sẽ ít xảy ra trường hợp đã triển khai đấu thầu trước nhưng dự án lại không được phê duyệt;

Bốn là, việc thực hiện đấu thầu trước không mất nhiều thời gian trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chỉ thực hiện trước công tác lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu phục vụ giải phóng mặt bằng, tái định cư, tư vấn thiết kế, giám sát...), đồng thời giúp cho thời gian thực tế lựa chọn nhà thầu rút ngắn đáng kể sau khi dự án được phê duyệt (ước tính giảm khoảng 3 đến 4 tháng).

Thực tế, các nước trên thế giới và Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng đã có quy định cho phép áp dụng đấu thầu trước đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA. Thực tiễn tại Việt Nam, một số dự án lớn, trọng điểm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (dự án đường dây 500 kV mạch 3 từ Quảng Bình đến Phố Nối, dự án cấp điện Côn Đảo...) đã vận dụng đấu thầu trước, rút ngắn rất nhiều thời gian thực hiện dự án từ 6 - 8 tháng.

2.4.2. Bổ sung các gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt tại khoản 1 Điều 29 Luật Đấu thầu, gồm:

- Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra;

- Gói thầu cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ cho đại biểu; cho thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan) có yêu cầu phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu và có yêu cầu thực hiện gấp;

- Gói thầu sản xuất phim;

- Gói thầu do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính

phủ thực hiện, gồm: mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài; in ấn phẩm báo chí nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước;

- Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại đón đoàn khách quốc tế thăm và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại và gói thầu mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đi công tác nước ngoài;

- Gói thầu mua dịch vụ của các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế; gói thầu mua dịch vụ thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT; gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính - tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch;

- Gói thầu lựa chọn luật sư, ***tổ chức hành nghề luật sư*** cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại ***cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài, cơ quan giải quyết tranh chấp*** nước ngoài hoặc quốc tế.

2.4.3. Bổ sung nội dung tại điểm đ khoản 1 Điều 29 để quy định ***"viên chức, người lao động"*** là đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù thuộc gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

2.4.4. Sửa đổi nội dung "*Gói thầu sản xuất và lắp đặt sân khấu phục vụ sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; thuê địa điểm để tổ chức sản xuất, ghi hình chương trình mang tính nghệ thuật cao*;" tại điểm g khoản 1 Điều 29 thành "***Gói thầu sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện***" để bao quát toàn bộ hoạt động thuộc gói thầu này.

2.4.5. Sửa đổi điểm i khoản 1 Điều 29 theo hướng quy định: trường hợp dự án, gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc quy định tại Luật Đấu thầu thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu.

2.4.6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 29 để phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ.

2.4.7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 29 để quy định: đối với các gói thầu khác (trừ gói thầu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 29), người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu.

2.4.8. Sửa đổi quy định tại khoản 11 Điều 4, Điều 11 và Điều 22 Luật Đấu thầu theo hướng cho phép nhà thầu thuộc danh sách các quốc gia hợp lệ được tham dự đấu thầu trong nước và áp dụng các hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong trường hợp nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu áp dụng các hình thức này theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ.

2.4.9. Bổ sung "***thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng, hóa chất sát trùng, vật tư***" vào trường hợp chỉ định thầu gói thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh tại điểm c khoản 1 Điều 23; đồng thời, chỉnh lý kỹ thuật nội dung tại điểm này để phân định 02 trường hợp chỉ định thầu: (i) gói thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh và (ii) gói thầu nhằm duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân.

2.4.10. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 23 và điểm a khoản 1 Điều 38 để quy định điều kiện chỉ định thầu và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc đề án, nhiệm vụ quy hoạch là quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thay vì quyết định phê duyệt dự án.

2.4.11. Sửa đổi Điều 55 theo hướng quy định: đối với việc mua thuốc để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở y tế công lập, trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư được ***áp dụng nhiều lần*** đối với một hoặc các loại thuốc.

2.4.12. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 31 theo hướng quy định: phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp ***có nội dung hoặc công việc thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành***.

2.4.13 Sửa đổi Điều 45 theo hướng quy định: đối với gói thầu ***tư vấn đơn giản hoặc gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể quy định tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước*** nhằm rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu, dự án, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

2.4.14. Bổ sung cụm từ "***các tổ chức khác***" vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu để bao quát toàn bộ đối tượng đủ tư cách hợp lệ tham dự

thầu.

2.4.15. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3 theo hướng quy định: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong trường hợp *lựa chọn nhà thầu cung cấp* ***hàng hóa,*** *dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập* ***đã ký hợp đồng.***

2.4.16. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 6 theo hướng quy định: ***đối với đấu thầu quốc tế, không áp dụng quy định*** nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Ngoài ra, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản khác và chỉnh lý kỹ thuật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật này và pháp luật có liên quan.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên để thực hiện Chính sách 9 tại Tờ trình số 405/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

2.5. Quy định chuyển tiếp

Dự thảo Luật quy định điều khoản chuyển tiếp để xử lý một số trường hợp thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành như việc bố trí kinh phí cho hoạt động quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch; xử lý chuyển tiếp đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt, dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ của di tích thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ nay thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại của Luật này; áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 của Luật này đã được quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành; xử lý chấm dứt hoạt động đối với các dự án thực hiện được quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành; thủ tục liên quan đến thành lập Hội đồng thẩm định đối với Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; xử lý các gói thầu lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Dự kiến trình Quốc hội khoá XV xem xét cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) theo quy trình một kỳ họp và soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo thẩm định; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; (5) Báo cáo về tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; (6) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật; (7) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (8) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (9) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (10) Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý; (11) Tài liệu gửi bản điện tử: Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: KHĐT, TP;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp; Các Vụ: QHĐP, KTTH;
- Lưu: VT, PL (2).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Chí Dũng